TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Oanh và bà Hà Thị Thanh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 02/02/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 432/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Lan H – S năm 1978. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 5, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Phạm Giáng S – S năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Lan H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Lan H và anh Phạm Giáng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 27/9/2006. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S không chăm lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay

chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Giáng S.

Về con chung: Chị Hà Lan H và anh Phạm Giáng S có một con chung là Phạm Hà Bảo N, S ngày 23/11/2007, hiện đang ở cùng chị H. chị H đề nghị được nuôi cháu N, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ghi ngày 24/12/2020 và Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ghi ngày 12/01/2021, anh Phạm Giáng S trình bày:

Hiện nay anh S đang điều trị bệnh đột quỵ, tai biến, sức khỏe yếu, khó khăn trong việc đi lại nên không thể đến Tòa án được, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái cho anh S được vắng mặt trong quá trình giải quyết tại Tòa án. Các yêu cầu khởi kiện của chị Hà Lan H anh S đã nhận được và có ý kiến như sau.

Về quan hệ hôn nhân: Anh S công nhận về thời gian, địa điểm kết hôn như chị H khai là đúng, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh S đi làm xa nhà, bản thân anh bị bệnh tật, sức khỏe yếu không làm kinh tế được để chăm lo cho vợ, con. Chị H làm đơn ly hôn, anh S đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh S công nhận về con chung như lời khai của chị H là đúng. Anh S đồng ý để chị H nuôi cháu N và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra tại phiên tòa, hội động xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Hà Lan H, bị đơn anh Phạm Giáng S đã được giao nhận các văn bản tố tụng hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh S theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Lan H và anh Phạm Giáng S có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 15, ngày 27/9/2006, là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, đến nay đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Như vậy, thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Hà Lan H và anh Phạm Giáng S xác nhận có một con chung là Phạm Hà Bảo N, S ngày 23/11/2007, hiện đang ở cùng chị H. Chị H và anh S đều có đề nghị giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Hà Thị Lan H và anh Phạm Giáng S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Lan H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 300.000 đồng.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Lan H được ly hôn anh Phạm Giáng S.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Hà Lan H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Hà Bảo N, S ngày 23/11/2007 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Lan H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái theo biên lai thu số AA/2017/0006717 ngày 15/12/2020.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS TP. Yên Bái;
- UBND phường T, TP B, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Quang Trung